

NHÂN VẬT THẦN LINH TRONG CÁC TRUYỀN THUYẾT NGƯỜI VIỆT TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ – VĂN HÓA

Nguyễn Hữu Kim Duyên¹

GENIES IN VIETNAMESE LEGEND FROM THE HISTORICAL-CULTURAL PERSPECTIVE

Nguyen Huu Kim Duyen¹

Tóm tắt – Nhân vật thần linh trong truyền thuyết người Việt là một đề tài thu hút nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu nhân vật thần linh dưới góc nhìn lịch sử – văn hóa, bởi truyền thuyết dân gian Việt Nam phần nhiều là gắn với những câu chuyện lịch sử và các anh hùng dân tộc. Hơn nữa, nghiên cứu về các nhân vật thần trong sự lồng ghép giữa nghiên cứu truyền thuyết và lịch sử là mạch nguồn của cảm xúc tôn vinh, là sự ngợi ca, là tự hào dân tộc. Dưới góc nhìn này, ta thấy nhân vật thần linh được lịch sử hóa, được phong thần, được thờ phụng và truyền thuyết về thần trở thành tư liệu cho quốc sử. Lễ hội dân gian trở thành biểu trưng sinh động của tín ngưỡng thờ thần. Điều này cho thấy vị trí đặc biệt quan trọng của thần linh trong truyền thuyết cũng như trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong tâm thức người Việt bấy lâu nay.

Từ khóa: nhân vật thần linh, tín ngưỡng thờ thần, truyền thuyết, văn xuôi trung đại.

Abstract – The genie characters in Vietnamese legends are a topic that attracts many scientists, especially in studying genie characters from the historical-cultural perspective because Vietnamese folk legends are mostly associated with historical stories and national heroes. Moreover, the study of genie characters in the integration

between the study of legend and history is the source of feelings of honor, praise and national pride. From this perspective, it shows that the genie characters are historicized, deified, worshiped, and the legends about genies become documents for national history. Folk festivals have become vivid symbols of genies's beliefs. This signifies the particularly important position of the genies in the legend as well as in the process of national history and also in the minds of Vietnamese people for a long time.

Keywords: genies, genie-worshipping beliefs, legends about genies, medieval prose.

I. MỞ ĐẦU

Truyền thuyết người Việt là một thể loại truyện kể truyền miệng nằm trong loại hình tự sự dân gian. Cốt truyện truyền thuyết kể lại truyện tích các nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các địa danh, các sự vật theo quan niệm dân gian. Nghệ thuật truyền thuyết thường khoa trương phóng đại và chứa đựng các yếu tố hư ảo, thần kì như truyện thần thoại, cổ tích. Vì vậy, thần linh với tư cách là một loại hình nhân vật dân gian tiêu biểu trong các truyền thuyết của người Việt, cần được quan tâm nghiên cứu dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá để góp phần tìm hiểu văn học dân gian nói riêng, văn hoá – lịch sử dân tộc nói chung.

Vào thời Lý – Trần, sau khi người Việt xây dựng nền độc lập tự chủ, các truyền thuyết dân gian đã được sưu tầm, sắp xếp, tức là được văn bản hóa thành các sưu tập riêng và được đưa vào quốc sử và các bộ sử tư nhân. Việc làm ấy đã cố định hóa các truyền thuyết, đồng thời có những

¹Trường Đại học Đà Lạt

Ngày nhận bài: 14/6/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 29/6/2021; Ngày chấp nhận đăng: 12/7/2021

Email: duyennhk@dlu.edu.vn

¹Da Lat University

Received date: 14th June 2021; Revised date: 29th June 2021; Accepted date: 12th July 2021

cải biên nhất định tùy vào hoàn cảnh và quan điểm riêng để xây dựng lịch sử hình thành dân tộc. Việc nghiên cứu hình tượng thần linh trong các truyền thuyết ấy có thể giúp chúng ta hiểu về quan niệm của nhà nước và các học giả phong kiến về mối quan hệ giữa thần linh, truyền thuyết về thần linh và việc xây dựng ý thức độc lập dân tộc trong quá trình lịch sử.

Việc nghiên cứu loại hình nhân vật thần linh trong truyền thuyết người Việt dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá cho thấy mối liên hệ giữa văn học dân gian với lịch sử và văn hóa dân gian (trong đó có văn hóa tâm linh – vấn đề tín ngưỡng, phong tục tập quán, phương thức tư duy và những quan niệm phổ biến của nhân dân). Do đó, việc phải đặt nhân vật nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể của tác phẩm và rộng ra là bối cảnh thời đại, hoàn cảnh lịch sử nhất định để lí giải một số những đặc trưng nổi bật của hình tượng nhân vật thần linh giai đoạn này, so sánh với các giai đoạn lịch sử trước đó là rất cần thiết. Từ đó, góp phần khẳng định những giá trị văn học, văn hóa – lịch sử đặc sắc của chúng ta được kết tinh trong thời kì văn minh Đại Việt.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Có thể nói, việc sưu tầm, ghi chép truyền thuyết về các nhân vật thần linh ở nước ta được tiến hành khá sớm nhưng việc nghiên cứu truyền thuyết với tư cách là một thể loại dân gian trong đó nghiên cứu truyền thuyết về nhân vật thần linh dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá lại được tiến hành khá muộn. Từ thế kỉ XIV, XV, Lý Tế Xuyên, Vũ Quỳnh và Kiều Phú được cho là đã sưu tập truyền thuyết và truyện cổ tích trong hai tập sách: Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái. Dựa theo các thư tịch cổ, hầu hết các nhà nghiên cứu dân gian đều nhất trí rằng: Việt điện u linh (1329) – u linh ở cõi nước Việt [1, tr.5] và Lĩnh Nam chích quái (đầu thế kỉ XIV) được coi là hai trong số những tác phẩm tự sự văn xuôi cổ nhất của Việt Nam còn lưu lại cho tới ngày nay. Các truyện được tập hợp trong hai công trình này đều tập trung kể về các bậc đế vương, các nhân thần và hào khí anh linh nước Việt, mang đậm những dấu ấn lịch sử – văn hoá. Bởi vậy, hai tác phẩm vừa có giá trị về văn học, vừa có giá trị lịch sử rất sâu sắc. Dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá, ngay

từ thời phong kiến, các tác giả như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Phan Huy Chú... đã có những ghi chép mang tính hệ thống các câu chuyện dân gian với nhân vật trung tâm là các nhân vật thần linh trong hai tác phẩm. Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí đã viết: ‘Tập này chép những đế vương và bề tôi các đời, những người có tiếng anh linh, gồm 28 truyện’ [2, tr.118]. Lý Tế Xuyên kế thừa từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau để xây dựng nên tập truyện này, gồm Giao Chỉ ký, Giao Châu ký, Báo cực truyện, Đồ Thiện ngoại sử ký, Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu; bên cạnh đó là các bản thần tích, ngọc phả và các truyền thuyết dân gian đương thời.

Cùng với hai công trình lớn trên, các bộ sử của nước ta thời bấy giờ như: Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử tiêu án... đã ghi chép lại những câu chuyện về các vị thần trong dân gian hay những người anh hùng dân tộc hóa thánh mang đậm dấu ấn lịch sử – văn hoá, mà người ta có thể tìm thấy cả trong Việt điện u linh lẫn Lĩnh Nam chích quái. Và như vậy, truyền thuyết đã thành truyền thuyết lịch sử và nhân thật thần linh trở thành các nhân vật lịch sử phò vua, giúp dân, giúp nước.

Đến thế kỉ XVI, trong bối cảnh tình hình xã hội có nhiều bất ổn, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, phân hóa giai tầng mạnh mẽ, trật tự xã hội lung lay dẫn đến đất nước bị chia cắt, dựa vào những sự tích có sẵn, Nguyễn Dữ đã kết cấu và xây dựng lại nhân vật cũng như các tình tiết và tu chỉnh ngôn từ, để lập ra những thiên truyện mới được gọi là Truyền kì mạn lục. Tác phẩm gồm 20 truyện viết bằng chữ Hán, và được xem là truyện phóng tác, đánh dấu bước phát triển quan trọng của thể loại tự sự trong văn học dân gian. Thông qua các nhân vật thần tiên, ma quái, tinh loài vật cây cỏ..., tác giả khéo léo phản ánh chân thực hiện thực xã hội đương thời. Có thể thấy, nếu như giai đoạn trước, các truyện tập trung kể về các bậc đế vương, các nhân thần và hào khí anh linh nước Việt mang bóng dáng lịch sử dân tộc thì bước sang thời kì này, xu hướng này đã được thay bằng xu thế văn học hóa truyện dân gian mà các tác gia tiêu biểu là Lê Thánh Tông và Nguyễn Dữ (tập truyện Truyền kì mạn lục). Thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX lại là giai đoạn phát triển rực rỡ với những truyện dân gian được ghi chép lại theo

quan điểm và phương pháp mới như Truyền kì tân phá (Đoàn Thị Điểm), Tang thương ngẫu lục (Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án) [3], [4]... như lời nhận xét của Kiều Thu Hoạch khi nghiên cứu về văn học dân gian trung đại Việt Nam: ‘Quy luật chung của nhiều nền văn học viết đều khởi đầu bằng việc ghi chép folklore. Các loại hình văn học tự sự trong văn học viết Việt Nam thời trung cận đại cũng không nằm ngoài quy luật đó’ [5, tr.93].

Việc sưu tầm sáng tác theo lối giai thoại hoặc thần linh hóa những truyện xưa, tích cũ có liên quan đến lịch sử dân tộc, đến các triều đại, thần tích, ngọc phả, gia phả, dòng tộc, đình, đền miếu, nhân kiệt, anh tài... của các tác giả dân gian, các nho sĩ trên trong suốt thời kì trung đại đã làm sống động diện mạo lịch sử và văn hóa dân tộc ta, khi mà các bộ sử chính thống không có điều kiện để đi sâu. Đồng thời, điều này cho thấy tư duy quan niệm về tổ tiên, phong tục, truyền thống đấu tranh, đối nhân xử thế, đặc biệt là thế giới quan thần linh chủ nghĩa của người Việt xưa.

Đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, việc nghiên cứu nhân vật thần linh và truyền thuyết về thần linh dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá vẫn chưa được bắt đầu. Những ghi chép, thu thập vẫn được nối tiếp với những tác phẩm ghi dấu ấn như: Truyện đời xưa của Trương Vĩnh Ký xuất bản năm 1866 ở miền Nam và Truyện cổ nước Nam của Nguyễn Văn Ngọc ra mắt năm 1932 ở miền Bắc nhưng đều chưa định hình ý thức rõ rệt về nhân vật và thể loại tự sự dân gian. Bên cạnh đó, khi tiếp cận tủ sách Cảo thơm trước đèn, chúng ta còn “bắt gặp” cuốn sách có giá trị viết về những sự tích, những câu chuyện lạ lùng ở nước ta, đó là Nam Hải dị nhân (đầu thế kỉ XX) của Phan Kế Bính. Giới thiệu về cuốn sách, tác giả viết:

‘Chúng tôi kê cứu trong chính sử và các tạp kí, tìm những truyện các người có danh vọng, có sự tích lạ lùng, chia ra từng môn, từng mục, cứ theo thể thức trước sau mà đặt gọi là Nam Hải dị nhân liệt truyện, trước để lưu lại sự tích của người trước, sau là để các văn nhân tài tử xem cho biết anh tài nước mình’ [6, tr. 6].

Đến năm 1942, khi cuốn Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đổng Chi ra đời thì việc xác định thể loại và nhân vật truyền thuyết mới bắt đầu rõ ràng. Trong tác phẩm này, ông chia Chuyện

đời xưa ra làm ba loại: thần thoại, chuyện thần quái, chuyện vật (dẫn theo Trần Thị An [7]). Qua đó bóng dáng nhân vật thần linh được khắc họa trong truyện thần quái. Cũng cùng thời điểm này các tác giả như Phục Ba, Nhân Văn Đình... trên tạp chí Nam Phong đã đăng những bài viết kể về những câu chuyện gắn với các nhân vật lịch sử như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lê Lợi, Lê Phụng Hiểu... [7, tr.22]. Trong giai đoạn này, Hoa Bằng tuy chưa sử dụng thuật ngữ truyền thuyết nhưng ông đã có những nghiên cứu so sánh giữa truyền ngôn với sử, gợi mở hướng nghiên cứu giữa sử và truyền thuyết, giữa nhân vật lịch sử và nhân vật thần linh.

Cũng theo Trần Thị An [7, tr. 22], trong những năm 30 – 40 của thế kỉ XX, Nguyễn Văn Huyền đã có một loạt các công trình nghiên cứu chuyên khảo về nhân vật thần linh gắn với lịch sử văn hoá và truyền thuyết thần linh như Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam, Lý Phục Man (1938); Hội Phù Đổng (một trận đánh thần kì trong truyền thuyết Việt Nam (1938), Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam (1944). Với phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành được triển khai một cách khoa học kết hợp giữa nghiên cứu văn học là chủ yếu với nghiên cứu dân tộc học, nhân học, sử học... bổ trợ, các chuyên khảo của ông có giá trị văn học – lịch sử sâu sắc và có ý nghĩa lớn đối với nhiều ngành nghiên cứu lĩnh vực khoa học – xã hội nhân văn ở nước ta.

Sang những năm 50 của thế kỉ XX, trong không khí hào hùng của miền Bắc đất nước được giải phóng, với cảm hứng tôn vinh lịch sử, việc sưu tầm, biên soạn và nghiên cứu văn học dân gian ghi dấu ấn với những bước đi mới. Đó là sự ra đời của một loạt các công trình nghiên cứu về các truyền thuyết, thần thoại cũng như truyện cổ tích liên quan đến thần linh như: Truyện cổ tích Việt Nam (1957, Vũ Ngọc Phan), Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam (1957, Nguyễn Đổng Chi, Văn Tân, Hồng Phong), Lược khảo về thần thoại Việt Nam (1959, Nguyễn Đổng Chi).

Bước sang thập niên 60 của thế kỉ XX, nhiều công trình tổng hợp ra đời có ý nghĩa rất lớn đối với việc nghiên cứu về truyền thuyết ở nước ta, trong đó phải kể đến: Lịch sử văn học Việt Nam, tập 1: Văn học dân gian, NXB Giáo dục, H, 1961 của Bùi Văn Nguyên và nhóm tác giả; Văn học dân gian Việt Nam của tác giả Chu Xuân

Diên, Đinh Gia Khánh, NXB Giáo dục, H, 1962. Năm 1967, hai bài viết về truyền thuyết đăng trên Tạp chí Văn học, số 3: Tinh thần dân tộc qua các truyền thuyết lịch sử của Phan Trần đã nêu ra những đặc điểm phân biệt giữa thần thoại và truyền thuyết; hay Tư tưởng chủ yếu của người Việt thời cổ qua những truyện đứng đầu trong thần thoại và truyền thuyết của Tầm Vu (bút danh của Trần Văn Giàu).

Bước sang thập niên 70, trong bối cảnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước đang lên đến đỉnh điểm, các nhà nghiên cứu vẫn hoạt động rất tích cực trong nghiên cứu khoa học và trở thành các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng để chiến thắng kẻ thù. Với cảm hứng tự hào lịch sử cha ông, năm 1971, cuốn sách Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam của Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc Côn được phát hành. Trong công trình này, hai tác giả vẫn sử dụng thuật ngữ “cổ tích lịch sử” để chỉ một bộ phận truyện kể dân gian về các nhân vật anh hùng. Năm 1973, trong lời bàn cho cuốn sách Truyền thuyết Sơn Tinh, Đinh Gia Khánh xem truyền thuyết là thuật ngữ sử học. Ông viết: ‘Truyền thuyết là những truyện lịch sử và truyện lịch sử chỉ có thể có khi con người đã có ý thức về lịch sử của mình, về đất đai và xứ sở của mình’ [7, tr. 23-24]. Nhận định này có ảnh hưởng khá sâu sắc đến các nhà nghiên cứu truyền thuyết dân gian thế hệ sau.

Đối chiếu với quan điểm của những nhà nghiên cứu khác như Đỗ Bình Trị, Kiều Thu Hoạch... lại quan niệm truyền thuyết là một thể loại tự sự dân gian. [10, tr.72]. Ông dành nhiều thời gian nghiên cứu truyền thuyết, trong đó ông nghiên cứu kĩ truyền thuyết về người anh hùng. Đó là những anh hùng dân tộc được suy tôn là thần được tiếp cận dưới góc nhìn cae văn học và sử học. Theo ông, truyền thuyết dù là truyện lịch sử hay là thể loại tự sự dân gian thì hầu hết đều liên quan đến các nhân vật thần, những nhân vật lịch sử và xoay quanh hệ thống các nhân vật này, lấy họ là trung tâm của mỗi câu chuyện.

Từ những năm 1973 đến 1979, việc nghiên cứu truyền thuyết nói chung và truyền thuyết về thần linh nói riêng với chủ đề lịch sử dân tộc được quan tâm nhiều hơn, xuất hiện nhiều những bài viết về truyền thuyết. Chẳng hạn: Chùm truyền thuyết sản bản thời Hùng Vương dựng nước và

đôi nét về mối quan hệ của nó đối với diễn xướng, tín ngưỡng phong tục (Tạp chí văn học 1973- số 6, 1976- số 2); hay bài của Phan Đăng Nhật: So sánh, đối chiếu truyền thuyết của người Mường với truyền thuyết của người Việt qua các truyện (Tạp chí Văn học, 1974, số 1); Bài tìm hiểu “Bà Triệu qua những tư liệu dân gian sưu tầm được ở Thanh Hóa của Vũ Tố Hảo” (Tạp chí Văn học 1974, số 1); Tác giả Võ Quang Nhơn trong: Tìm hiểu mối quan hệ giữa truyền thuyết miền ngược với truyền thuyết miền xuôi trong chính thể thống nhất của văn học dân gian đất nước (Tạp chí Văn học, 1977, số 6); Bài: Về một thể loại văn học dân gian đăng trong Tạp chí Văn học số 4, 1979, H và trong Thông báo dân tộc học, tập 2- năm 1982, có đăng bài: Bàn về mối quan hệ lâu bền giữa truyền thuyết và lịch sử” cùng của tác giả Bùi Quang Thanh... qua đó tác giả cho rằng: ‘Xét các đặc tính của thể tài truyền thuyết ở Việt Nam, chúng ta dễ nhận thấy tính lịch sử là đặc tính trung tâm, là cơ sở để sản sinh ra các đặc tính khác’ [9, tr. 131].

Trong khoảng thời gian hơn 30 năm (từ những năm 70 của thế kỉ XX đến những năm đầu thế kỉ XXI), việc nghiên cứu về thần linh trong truyền thuyết gắn với các địa danh lịch sử cụ thể và những thần tích được triển khai khá rầm rộ như: Truyền thuyết và cổ tích Lam Sơn (Ty Văn hóa thông tin Thanh Hóa, 1973) - sưu tầm và ghi chép lại những truyện kể ở Thanh Hóa xoay quanh những điều thần kì trong cuộc kháng chiến chống quân Minh của nghĩa quân Lê Lợi, Truyền thuyết Trưng Vương (Chi hội Văn nghệ dân gian Vĩnh Phú, 1975), Hà Nội nghìn xưa (Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, 1975), Núi Hồng 99 ngọn (Thái Kim Đỉnh, 1981), Các nữ thần Việt Nam (Đỗ Thị Hảo, Mai Thị Ngọc Trúc, 1983), Truyền thuyết Hùng Vương (Chi hội Văn nghệ dân gian Vĩnh Phú, 1984) - phác họa những câu chuyện và những nhân vật thời đại Hùng Vương dựng nước, Giông bão Loa Thành (Đặng Văn Lung, 1990) tiến hành nghiên cứu truyền thuyết từ góc độ bản chất thể loại đạt được những khởi sắc mới; Truyền thuyết Bia Bà (NXB Thanh niên, H, 1992) - kể về sự tích bà đệ nhị cung phi triều Mạc Thái Tông, Truyền thuyết Việt Nam (Lã Duy Lan, 1997) - là tập hợp những câu chuyện truyền thuyết tiêu biểu của dân tộc ta qua các thời kì

lịch sử; Truyền thuyết Việt Nam (Trần Thị An, Phạm Minh Thảo, Bùi Xuân Mỹ, 1998); Truyền thuyết Đinh - Lê của tác giả Trương Đình Tường, NXB Văn hóa dân tộc, 2000. Những nghiên cứu từ góc nhìn thể loại, trong sự kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành giữa văn học và lịch sử cũng đóng góp những công trình đáng chú ý như: Sự phát triển của văn xuôi Hán – Việt từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX qua một số tác phẩm tiêu biểu, Luận án PTS. Thư viện Quốc Gia, ký hiệu LA.870119, 1987, H; Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, 3 tập, NXB Giáo dục Hà Nội, 1999, 2000) của tác giả Nguyễn Đăng Na; “Tự sự lịch sử trong văn học Trung đại Việt Nam - những đặc điểm của bước đi ban đầu”, Tạp chí Văn học số 12, 1999, H; Văn học dân gian Việt Nam của tác giả Lê Chí Quế, NXB Đại học Quốc gia, 2001; “Truyền thuyết anh hùng thời kì phong kiến” của tác giả Kiều Thu Hoạch tập hợp trong cuốn Văn học Việt Nam – Văn học dân gian, Những công trình nghiên cứu, NXB Giáo dục, 2003 do nhóm tác giả Bùi Mạnh Nhị, Hồ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Diệp sưu tầm và tổng hợp; Truyền thuyết dân gian người Việt (Kiều Thu Hoạch, Mai Ngọc Hồng, Trần Thị An, 2004), tập hợp trong cuốn Tổng tập văn học dân gian người Việt của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2008, H.

Bên cạnh đó là các bài viết về các nhân vật thần linh như tứ bất tử hay nhiều vị anh hùng dân tộc đã đi vào tâm thức người Việt của Trần Thị An và nhóm tác giả thể hiện sâu sắc góc nhìn lịch sử văn hoá về các nhân vật thần. Đó là: “Sự vận động của truyền thuyết về mẫu từ Liễu Hạnh công chúa đến nàng Mư Júc của người Chăm”, Tạp chí Văn hóa số 5, 1992; Nghiên cứu truyền thuyết, Những vấn đề đặt ra, Tạp chí Văn hóa, H, tháng 7-1994; Quan niệm về thần và việc văn bản hóa truyền thuyết trong văn xuôi trung đại, Tạp chí Văn học số 3, 2003; Mối quan hệ tương hỗ giữa truyền thuyết dân gian, tục thờ cúng và thần tích: Nghiên cứu trường hợp Trương Hồng, Trương Hát, Thông báo Văn hóa dân gian 2004; Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết Mẫu Thượng Ngàn, Tạp chí Nghiên cứu văn học, H, số 6, 2007; Truyền thuyết Mẫu Tây Thiên qua những lớp bồi đắp thời gian, in trong cuốn Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc trong

Đạo Mẫu Việt Nam, Sở VH-TTDL tỉnh Vĩnh Phúc 2010; Truyền thuyết, di tích và việc thờ cúng Mai Hắc Đế trong dòng thời gian, Tạp chí Văn hóa học, số 2, 2013...

Ở một phương diện khác, phương diện lễ hội trong mối quan hệ với các truyền thuyết về nhân vật thần linh, có nhiều tác giả đã có những công trình mang tính chuyên khảo như: Phan Đăng Nhật và nhóm tác giả với cuốn Lễ hội cổ truyền, NXB KHXH, 1992; Lê Kỳ với cuốn Mối quan hệ giữa Truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng, NXB KHXH, H, 1997; Nguyễn Quang Lê với Lễ hội cổ truyền: Nội dung lịch sử và phương pháp khai thác sử liệu (Luận án PTS), Thư viện Quốc Gia, ký hiệu L.5087; Nguyễn Chí Bền và nhóm tác giả với Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam, NXB Văn hóa dân tộc, 2000, H; Nguyễn Chí Bền với Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố, NXB KHXH, H, 2003; Trần Thị An và nhóm tác giả với “Lễ hội đền Vua Bà” ở làng Diềm in trong sách Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập, 2006; Kỷ yếu hội thảo Lễ hội cộng đồng, truyền thống và biến đổi, ĐHKHXHNV, ĐHQG - HCM, 2014; Ngô Đức Thịnh với Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt Nam, NXB Tri thức, 2019, H.

Như vậy, với sự nghiên cứu đa diện, truyền thuyết về các nhân vật thần linh được phân tích từ tổng quan đến cụ thể, theo đề tài, theo phạm vi không gian, khía cạnh thi pháp, mối quan hệ giữa truyền thuyết với lễ hội cũng như góc độ sử liệu học và chất sử trong truyền thuyết, vấn đề motif, nhân vật, kết cấu truyền thuyết... Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến những nghiên cứu từ góc nhìn lịch sử – văn hoá đối với nhân vật thần linh trong truyền thuyết trong tổng quan về nghiên cứu truyền thuyết.

Cho đến nay, với việc sưu tầm, nghiên cứu và tiếp thu những thành tựu về ngành truyền thuyết học thế giới, truyền thuyết Việt Nam nói chung và truyền thuyết về các thần linh nói riêng đã được công nhận là một thể loại của văn học dân gian, kể về các sự kiện, các biến cố lịch sử và nhân vật lịch sử bằng sự tưởng tượng và hư cấu nghệ thuật. Từ những truyền thuyết mang hơi thở lịch sử một cách tự thân đó, nhân vật thần linh trong truyền thuyết được nghiên cứu một cách thấu triệt dưới góc nhìn lịch sử – văn hoá. Thành

tự đó có được là công lao rất to lớn của không chỉ các nhà sưu tầm, ghi chép mà còn là công sức của các nhà nghiên cứu theo dọc chiều dài lịch sử dân tộc. Trong bài viết này, phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp liên ngành: nghiên cứu liên ngành văn học và văn hóa dân gian là chủ đạo kết hợp với nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu văn hóa học và các thao tác khoa học cụ thể khác: phân tích, miêu tả, thống kê, so sánh. Đặc biệt, cách tiếp cận này được áp dụng triệt để khi nghiên cứu những giá trị văn hóa – lịch sử của nhân vật thần và mở rộng ra là mối quan hệ giữa văn học với lịch sử, với văn hóa dân gian.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. Các thần tự nhiên được lịch sử hóa

Theo quan niệm tín ngưỡng dân gian của người Việt, có một thế giới thần bí tồn tại song hành cùng với thế giới người ta đang sống, theo đó, mỗi sự vật tồn tại lâu dài đều có một vị thần linh đi kèm. Núi có thần núi, sông có thần sông và cả con người sau khi chết còn lại cái hồn. Cái hồn ấy hoặc là thần linh hoặc là ma quỷ, con người có thể cầu khẩn hoặc chế ngự. Bởi vậy dưới góc nhìn lịch sử – văn hóa, các vị thần dù là nhiên thần hay nhân thần cũng đều được lịch sử hóa và trở thành nguồn sử liệu vô giá để xây dựng tinh thần dân tộc trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của mình.

Nhìn từ góc độ lịch sử, sự vận động từ nhiên thần đến nhân thần ở nước ta diễn ra trong suốt một thời gian dài. Các vương triều phong kiến nước ta có đặc điểm là vương quyền lẫn át thần quyền, quyền lực của nhà vua là tối thượng. Trong bối cảnh đó, các vị nhiên thần vốn tồn tại trong đời sống tâm linh của người dân nhưng qua ngòi bút của các sử gia đã được chỉnh sửa lại cho phù hợp với nhu cầu của vương quyền. Các nhà viết sử phong kiến vốn là những nhà nho, khi viết chính sử, họ đã gắn kết những truyện kể hoang đường trong dân gian với các sự kiện lịch sử của đất nước thành các truyền thuyết về cội nguồn dân tộc như trong các bộ sử: Đại Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục... Các vị nhiên thần xuất hiện trong chính sử được thay đổi, mang diện mạo của những nhân vật lịch sử như: Lạc Long Quân, Âu

Cơ, Thánh Gióng... Theo Nguyễn Huy Bình, do muốn xây dựng những nhân vật trong thần thoại mang hình dạng của nhân vật lịch sử nên các sử gia thời phong kiến đã lược bỏ những yếu tố hoang đường, kì ảo của nhân vật nhiên thần, xây dựng các nhân vật đó với một lí lịch rõ ràng, gần gũi hơn với đời sống hiện thực của con người. Đó cũng chính là một trong các nguyên nhân làm cho biến đổi hành trạng thần. Một số vị nhiên thần trong thần thoại dần trở thành những nhân vật nửa nhiên thần, nửa nhân thần trong truyền thuyết dân gian [10].

Việt điện u linh [1], Lĩnh Nam chích quái có nhiều truyện thiên về giải thích các hiện tượng tự nhiên nhưng các truyện ấy đều có liên hệ nhất định với lịch sử dân tộc như các truyện: Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, Cây cau, Dưa hấu, Chim bạch trĩ, Bánh chưng, Giếng Việt, Rùa vàng, Sông Tô Lịch, Núi Tản Viên, Vị thần núi Hồng Lĩnh, Thần núi Vọng phu, Con trâu vàng ở huyện Tiên Du... Ngoài bốn truyện Cây cau, Dưa hấu, Bánh chưng, Thần núi Vọng phu thực chất là truyện cổ tích, các truyện còn lại đều thể hiện rõ quá trình lịch sử hóa truyền thuyết cũng như lịch sử hóa các nhân vật thần linh.

Về hạo khí anh linh, với cảm hứng tôn vinh lịch sử thì người đời trước lại càng có nhiều cơ sở để lịch sử hóa các vị thần có nhiều công trạng như Lý Tế Xuyên đã ghi chép trong Việt điện u linh [1], Trần Thế Pháp trong Lĩnh Nam chích quái: Hậu thổ phu nhân, Đồng Cổ sơn thần, Long Đỗ vương khí thần, Khai Nguyên thần, Phù Đổng thổ địa thần, Tản Viên sơn thần, Đàng Châu thổ địa thần, Bạch Hạc thổ địa thần, Hải Thanh quận thổ thần, Nam Hải long vương, Bảo quốc Trấn linh định bang quốc đô Thành Hoàng đại vương (Thần sông Tô Lịch), Minh chủ linh ứng Chiêu cảm Bảo hựu đại vương (Thần núi Đồng Cổ)... Bởi vậy, có thể nói, truyền thuyết chính là lịch sử trong kí ức dân gian.

Quy luật chuyển hóa từ nhiên thần đến nhân thần và việc lịch sử hóa thần linh trong các truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian Việt Nam còn có thể thấy từ quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử. Văn hóa nước ta sau mười thế kỉ Bắc thuộc cho đến khi thiết lập được nền độc lập tự chủ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ văn hóa Trung Hoa, do vậy không tránh khỏi sự nhào nặn trong việc tái hiện lại các nhân vật thần linh. Hơn nữa,

giao lưu văn hóa còn diễn ra giữa các tộc người trên lãnh thổ nước ta cũng đã tạo ra sự biến đổi về diện mạo các vị thần. Đó là chưa kể đến quá trình địa phương hóa khiến cho các câu chuyện về thần linh còn có nhiều dị bản khác nhau.

Ví dụ về cái chết của Đoàn Thượng, trong Tang thương ngẫu lục, Phạm Đình Hổ chép:

‘Tướng quân Đoàn Thượng người làng Hồng Thi, huyện Trường Tân. Đời Lý Huệ Tông vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm giữ riêng một châu ấy. Quan Thái sư Trần Thủ Độ bề ngoài giả vờ giảng hòa nhưng ngầm truyền lệnh cho Hoài đạo Hiếu võ vương Nguyễn Nộn đem binh đánh úp. Hai bên đang hăng, quân Trần lại từ miền Văn Giang đón đánh phía trước. Tướng quân bỏ Nộn quay về chống với phía tây, bị thương chạy về phía đông... gặp ông già đội mũ thối đai nói: tướng quân là bậc trung liệt... tướng quân đến gò làng, xuống ngựa gối giáo nằm. Liền có mối dùn đất khắp nơi, dân cư tạc tượng lập miếu thờ’ [11, tr.187].

Tuy nhiên, Đại Việt sử ký toàn thư lại chép: “tháng 12 năm 1228, Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng, Nộn phá được Thượng, nhân gộp cả quân của Thượng, cướp bắt con trai, con gái tài sản trâu ngựa đất Hồng Châu. Con của Thượng là Văn, đem gia thuộc đến hàng” [12, tr.11].

Truyền thuyết về các vị thần được lưu truyền qua nhiều thế hệ, ở những vùng đất khác nhau, của những tộc người khác nhau, lại do những biến động lịch sử và những tác động văn hóa – tôn giáo, truyền thuyết về các vị thần trải qua các thời kì như được khoác lên những lớp văn hóa mới. Các vị nhiên thần vốn mơ hồ về hành trạng đến khi được nhân thần hóa và lịch sử hóa đã trở thành vị thần có lai lịch, quê quán, tên tuổi và có cả ngày sinh, ngày hóa ở những địa phương cụ thể. Đặc biệt, ở vào thời kì hậu Lê, một số nhà nho đã định hình ra một mẫu lí lịch chung về các vị thần. Cụ thể, mỗi vị thần đều có quá trình ra đời, trưởng thành, lập chiến công, hóa thân và sự vinh phong của nhân dân. Dung mạo và hành trạng các vị thần được định hình như sau: sinh nở thần kì, trưởng thành kì diệu, lập chiến công phi thường và hóa thân kì ảo. Ví dụ trường hợp thờ Ông Cộc, Ông Dài – vốn là hai con rắn thần, qua thần tích đã trở thành nhân vật Trương Hồng, Trương Hát mang dung mạo của nhân vật

anh hùng chống giặc ngoại xâm [13, tr.46-48].

Dưới tác động toàn diện của những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ đất nước và công cuộc chinh phục thiên nhiên của người Việt, việc lịch sử hóa, địa phương hóa và thần tích hóa truyền thuyết các vị thần linh liên tục diễn ra trong suốt quá trình vận động của lịch sử dân tộc.

B. Các vương tướng và các nhân thần bề tôi được phong thần

Các vương tướng trở thành thần

Dưới góc nhìn lịch sử – văn hóa, vương tướng trở thành thần được tập trung phản ánh trong các truyền thuyết kể về các nhân vật lịch sử. Sau khi lập những chiến công hiển hách, họ trở thành những vị thần thiêng liêng, hiển linh phù trợ cho nhân dân, xã tắc và được sắc phong. Điều đó cho thấy sự biết ơn, lòng tôn kính của nhân dân cũng như của các vị vua anh minh đối với các anh hùng trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Sự ngưỡng mộ, lòng tôn kính ấy đã đưa truyền thuyết gần hơn với tín ngưỡng dân gian, biểu hiện qua các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, làng xã như các lễ hội, diễn xướng, tục hèm... Sự chuyển hóa này tạo thành một quy luật thường thấy trong các truyền thuyết: Có công → hiển Thánh → linh phù, ‘nó biểu hiện niềm tin sắt đá vào sự bất tử và hiển linh của người anh hùng’ [14, tr.21].

Motif thường thấy là các truyền thuyết trước hết phác họa về bối cảnh, tình hình đất nước, sau đó giới thiệu nguồn gốc, lai lịch của các vị anh hùng, rồi mới giới thiệu sự kiện lịch sử với hành trạng công tích của họ. Thí dụ, sự tích Hai anh em Cao Sơn – Quý Minh, tương truyền là hai người rất giỏi săn bắn và võ nghệ, là bộ tướng của Tản Viên Sơn Thánh và cùng đánh đuổi giặc Thục, được nhân dân ghi nhớ công ơn lập miếu thờ phụng và được nhà vua phong Thượng đẳng phúc thần, hay Hai bà Trinh linh phụ nhân họ Trưng kể chuyện Hai Bà Trưng nổi dậy giành độc lập vào nhà Hán, sau khi hai bà mất đi, nhân dân đã lập đền thờ ở cửa sông Hát. Đền thờ rất linh thiêng, phàm người ta tới cầu đảo đều ứng nghiệm. Hay truyện vua Lý Anh Tông đến cầu mưa và nằm mộng thấy hai bà hiển linh, vua bèn ra sắc phong hai bà làm Trinh Linh Nhị phu nhân.

Đến triều Trần lại gia phong cho mỹ tự Hiến liệt chế thẳng thuần bảo thuận.

Trong bài tựa Lĩnh Nam chích quái, Vũ Quỳnh viết: Phùng Hưng (Bố Cái đại vương), Triệu Quang Phục (Triệu Việt vương), Lý Phật Tử (Hậu Lý Nam đế), Nhị Trưng phu nhân (Trưng Trắc và Trưng Nhị), My Ê (Vợ vua Chiêm Thành), họ đều là các lãnh đạo tài cao, trí dũng có công, tự xưng vương xưng đế, về sau được nhân dân phụng thờ, hiển linh như thần

Ví dụ: Truyện về vua Lý Thái Tổ, kể rằng, từ khi còn nhỏ, Lý Công Uẩn đã được sư Vạn Hạnh dạy dỗ và khen: ‘Đứa bé này không phải người thường, sau này lớn lên tất có thể giải quyết được mọi việc khó khăn làm vua giỏi trong thiên hạ’. Quả thực, Công Uẩn sớm thông tuệ, khác thường, lớn lên, tính tình khảng khái, sức khỏe phi thường. Khi Lê Long Đĩnh mất, các quan lại, các bậc tăng ni suy tôn ông lên làm vua: ‘Thân vệ là người khoan thứ nhân từ, lòng người đều qui phục. Hiện nay trăm họ quần bách không chịu nổi mệnh trên. Thân vệ nhân tính đó lấy ân đức mà vỗ về thì người ta tất đua nhau về như nước chảy vào chỗ trũng, ai có thể ngăn lại được’ [15, tr.537]. Tuy vậy Công Uẩn vẫn không nhận, mãi đến khi triều đình khanh sĩ họp lại suy tôn, Lý Công Uẩn mới lên ngôi hoàng đế. Sau khi lên ngôi, vua làm nhiều việc giúp dân giúp nước: đại xá cho cả nước, xóa thuế cho dân, cho xây thành đắp lũy, dời đô về Đại La; dẹp loạn ở vùng biên ải, giữ yên bờ cõi... Sau khi qua đời mang thụy hiệu Thần vũ Hoàng đế.

Hay truyện kể về vua Trần Nhân Tông vốn được biết tới là một vị vua nhân từ, có trí lược, thương dân, ơn huệ cổ kết lòng dân. Vua khéo chọn tướng, rèn binh, huy động toàn dân đánh giặc, hai lần chiến thắng giặc Nguyên – Mông. Ông không chỉ là một vị vua anh minh, một nhà chính trị – quân sự tài ba lỗi lạc mà còn là một nhà thơ, một trong hai vị tổ của thiền phái Trúc Lâm. Khi hóa, ngài được suy tôn hiệu là Đại thánh Trần triều Trúc Lâm Đầu Đà Tĩnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật [15, tr.674-675].

Các nhân thần bề tôi được phong thần

Bên cạnh các vua chúa là các vị tướng tài ba, những vị lãnh đạo kiệt xuất được thần linh hóa. Ngay từ thời Văn Lang, trải qua thời Bắc thuộc, đến thời độc lập tự chủ, đã xuất hiện những nhân thần bề tôi mưu lược, tài giỏi, như Cao Lỗ, Mục

Thận, Trù công – Thuận nương, Trương Hồng, Trương Hát, Lý Phục Man, Lý Đô Úy, Lý Hoảng, Lý Ông Trọng, Đỗ Cảnh Thạc, Chinh nương – Chu Chương, Phạm Cự Lượng, Lý Thường Kiệt, Trần Lâm... .

Truyện Mục Thận kể lại rằng: Một hôm vua Nhân Tông ngự ra Tây Hồ xem cá; thuyền rồng thung dung, mái chèo khoan nhặt, lượn chơi trên hồ rất vui vẻ, bỗng nhiên thấy mây mù kéo đến trên mặt hồ mù mịt, đôi diện không trông thấy nhau, vắng nghe tiếng cọc chèo vùn vụt lướt mù tiến đến, thấp thoáng có một con hổ lớn đang há mồm nhe răng như muốn cắn, vua trông thấy cả kinh. Lúc bấy giờ Mục Thận đang vung lưới bắt cá trông thấy rõ ràng mới nói “việc gấp rồi”, lập tức vung lưới chụp bắt được con hổ lớn, lại hóa ra là Lê Văn Thịnh... Vua khen Mục Thận có đại công bảo hộ, phong ông làm Đô Úy tướng quân rồi Phụ Quốc tướng quân. Ông mất tặng chức Thái Úy, dựng từ đường và tạc tượng... Đền thờ của ông linh dị, thôn dân phụng làm phúc thần. Sau được vua sắc phong Trung Tuệ Công, gia phong hai chữ Võ - Lượng [1, tr.80]. Truyện Lý Đô Úy chép rằng: Khoảng năm Nguyên Phong, giặc Thát Đát nhập khẩu hãm kinh sư, xa giá vua phải ngự ra ngoài, thuận theo dòng sông mà đi, đến chỗ sông ấy cắm thuyền mà ngủ. Đến đêm thần (Lý Đô Úy) cho vua chiêm bao rằng: Bệ hạ không nên ngự đi xa. Vua tỉnh dậy bảo quan Trung Sử lên trên đền để đốt hương vái thần xin dừng cho giặc đến. Quả nhiên giặc không đến. Giặc đã yên rồi bèn sắc phong Hối Thiên Thần Vương, sau gia phong hai chữ Trung Liệt và Uy vũ trợ thuận [1, tr.90].

Truyện Lý Thường Kiệt có đoạn chép rằng: Bấy giờ vua Chiêm Thành không sang triều cống, ông lĩnh chức đại tướng đi làm tiên phong, phò tá vua Lý Thánh Tông, đánh phá quân Chiêm, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công ấy, ông được thăng Phụ quốc Thái úy, Thiên tử nghĩa đệ, Phụ quốc đại tướng quân, Khai quốc công [14, tr.59].

Truyện Phạm Cự Lượng cũng kể rằng: Đêm ấy Thái Tông mộng thấy một viên sứ giả áo đỏ, phụng lệnh chỉ của thượng đế, sắc tứ Phạm Cự Lượng làm đô hộ phủ ngục tụng manh chủ. Vua hỏi lại rằng, thế thì là người nào? Hiện giữ chức gì ở triều ta? Sứ giả nói ông ấy là quan Thái Úy triều vua Lê Đại Hành, làm tôi thì tận trung báo

quốc, đích thị là một bày tôi của xã tắc... hiện bổ chức Nam tào cuộc trung ty lệ lộc quan; Cự Lượng giúp nhà Đinh sau về nhà Lê, có công tá mệnh, làm chức Đô chỉ huy sứ, hộ giá qua nam đánh Chiêm Thành, chém được đầu vua giặc, được phong Thái Úy... Vua Thái Tông rất lấy làm phải bèn phong tước Hoàng chính đại vương. Đêm ấy vua thấy Vương đội mũ, mặc áo, đai lưng rảo bước đến lạy trước long trì. [1, tr.75-76].

Chuyện Sự tích sứ quân Trần Lãm cũng viết rằng: Trong số 12 sứ quân nổi lên chiếm cứ các vùng, có Trần Lãm chiếm Bồ Hải khẩu cũng tự xưng là Trần Minh Công... Trần Lãm nhận thấy Đinh Bộ Lĩnh là người quyết đoán, có tài thao lược nên đã trao binh quyền cho ông. Sau khi dẹp yên 12 sứ quân và lên làm vua, Đinh Bộ Lĩnh phong cho Trần Lãm chức Phụ quốc thượng phụ quốc công. Sau khi ông mất, sắc phong Quốc tể Hoàng Độ đại vương, gia tang Liệt tổ trác vĩ thượng đẳng thần [15, tr.487-488].

C. Các truyền thuyết về thần linh trở thành nguồn tư liệu cho quốc sử

Sử dụng truyền thuyết dân gian như một nguồn sử liệu, có thể nói đó là hiện tượng phổ biến của các bộ sử thời trung đại. Dưới góc nhìn lịch sử – văn hóa và qua khảo cứu các nguồn tài liệu: từ các truyền thuyết đến các bộ sử chính thống, chúng tôi nhận thấy nhiều truyền thuyết thần linh đã trở thành một bộ phận quan trọng trong lịch sử dân tộc và phản ánh lịch sử một cách độc đáo.

Khảo sát bộ Đại Việt sử ký toàn thư [12], Khâm định Việt sử thông giám cương mục – những bộ sử quan trọng của đất nước, chúng tôi nhận thấy các sử gia đã tham khảo thông tin từ trong những truyền thuyết dân gian và những câu chuyện dã sử để làm căn cứ viết sử.

Khi biên soạn Đại Việt sử ký toàn thư, bên cạnh việc kế thừa các bộ sử trước đó như Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu đời Trần, Đại Việt sử ký tục biên của Phan Phu Tiên thời Lê Sơ, Ngô Sĩ Liên đã sử dụng một phần nguồn tư liệu được rút ra từ dã sử, những lời truyền tụng và chắc chắn không thể thiếu những tập truyện có mặt trong giai đoạn đó, là Việt điện u linh tập và Lĩnh Nam chích quái.

Sử thần Ngô Sĩ Liên khi bàn về kỉ Hồng Bàng thị trong Đại Việt sử ký toàn thư (cũng tương

tự Truyện Họ Hồng Bàng trong Lĩnh Nam chích quái) có viết:

‘Trong buổi trời đất mới mở mang, có người do khí hóa ra rồi mới có hình hóa, đều là hai khí âm và dương cả. Kinh Dịch nói: “Trời đất hợp khí, vạn vật hóa thân, đục cái hợp tinh, vạn vật hóa sinh”... Nuốt trứng chim huyền diệu mà sinh ra nhà Thương, giẫm vết chân khổng lồ mà dấy lên nhà Chu, đều là ghi sự thực như thế. Con cháu Thần Nông thị là Đế Minh lấy con gái Vụ Tiên mà sinh ra Kinh Dương Vương, tức là thủy tổ Bách Việt. Vương lấy con gái Thần Long mà sinh ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai mà có phúc lành sinh ra trăm con trai. Đó chẳng là cái đã gây nên cơ nghiệp của nước Việt ta hay sao?’ [17, tr.132].

Mặc dù là những tập hợp truyền thuyết và cổ tích nhưng tác phẩm này vẫn được Ngô Sĩ Liên sử dụng như một nguồn sử liệu chính thống. Và cũng chỉ đến thời điểm Ngô Sĩ Liên cho ra đời Đại Việt sử ký toàn thư, những dã sử, huyền thoại hay truyền thuyết trong Việt điện u linh và Lĩnh Nam chích quái mới được sử dụng lần đầu với vai trò tư liệu để tạo lập nên bộ biên niên sử.

Lí giải việc sử dụng truyền thuyết như một nguồn sử liệu trong giai đoạn này phải căn cứ vào tư tưởng của thời đại và các chính sách nối tiếp nhau của các vương triều. Việc chủ trương biên soạn những bộ chính sử bề thế, công phu với việc bổ sung những truyền thuyết, dã sử lập quốc để nối dài quốc sử là tư tưởng xuyên suốt thời kì Đại Việt, thể hiện ý thức cội nguồn, niềm tự tôn dân tộc.

Các bộ sử tiếp sau: từ Việt sử tiêu án của Ngô Thời Sĩ [18] đến Khâm định Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn, những đoạn huyền sử này vẫn tiếp tục xuất hiện và giữ vị trí chủ chốt trong việc xác định nguồn gốc khởi thủy của dân tộc và đất nước. Mở đầu Việt sử tiêu án, Ngô Thì Sĩ viết:

‘Nước Việt ta thuở trước, tương truyền vua đầu tiên là Kinh Dương Vương. Cháu ba đời vua Viêm Đế, là Đế Minh đi tuần trú miền Nam, gặp Vụ tiên nữ lấy làm vợ, sinh con là Lộc Tục. Lộc Tục là người đoan chính. Vua yêu quý lạ thường, muốn lập làm kế tự. Nhưng Lộc Tục nhường địa vị đó cho anh là Nghi, vua bèn phong cho Lộc Tục làm vua tại miền Nam đất Việt. Đó là Kinh Dương Vương’ [18, tr.9-10].

Khâm định Việt sử thông giám cương mục đã tham khảo, tập hợp khoảng trên 200 tài liệu khác nhau trong đó bao gồm: truyền thuyết, dã sử, thơ văn, các tác phẩm của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú cùng các sách sử Trung Hoa, tuy nhiên nguồn dã sử và truyền thuyết được sử dụng dè dặt hơn, giản lược và thu hẹp phạm vi những chuyện kì lạ. Phần hệ các đời vua chỉ được tính từ Hùng Vương, nhóm truyền thuyết An Dương Vương để phần phụ lục... Tuy vậy, với cảm hứng tôn vinh lịch sử, tác giả cũng chú ý đưa những yếu tố kì ảo của truyền thuyết khi chép về những nhân vật anh hùng như: Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan...

Ở giai đoạn này, cả Đại Việt sử ký toàn thư [12], [17] và Khâm định Việt sử thông giám cương mục đều chép những chi tiết kì diệu về sự ra đời của các ông vua: Tiền Ngô Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý Thái Tổ, Trần Thánh Tông, Lê Thái Tổ. Đặc biệt hơn là các tác giả còn tin vào những điềm báo về những sự ra đời kì diệu này. Ví dụ, Ngô Sĩ Liên viết: ‘Tiền Ngô Vương lúc sinh có ánh sáng lạ đầy nhà’ [17, tr.204]; hay cả hai cuốn chính sử đều có đoạn chép: “Lý Thái Tổ được sinh ra do mẹ đi chơi chùa Tiêu Sơn, kết hợp với thần mà có thai, vua đi đánh trận gặp sóng dữ khẩn thần biển thì được yên, vua dời đô, thấy rồng vàng bay lên ở chỗ thuyền ngự nhân đấy mà đổi tên thành là Thăng Long” [17, tr.241].

Những ảnh hưởng này sẽ còn tiếp tục kéo dài và hiện diện trong Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, bộ sử hiện đại đầu tiên. Mặc dù đã được biên soạn theo phương thức mới thể hiện phong cách và ảnh hưởng của sử học phương Tây, nhưng Trần Trọng Kim vẫn tiếp tục đưa huyền sử từ các bộ cổ sử vào trong công trình của mình. Qua đó có thể thấy, truyền thuyết về thần linh, với những yếu tố thần kì vẫn giữ một vị trí quan trọng trong suy nghĩ và quan niệm của số đông dân chúng. Đồng thời, lòng tự hào từ câu chuyện con Rồng cháu Tiên, từ hình tượng người anh hùng Phù Đổng Thiên Vương,... cho đến những bài học đạo lí rút ra từ những câu chuyện như Sự tích bánh chưng bánh dày hay Sự tích trầu cau,... đã duy trì nề nếp và lòng kiêu hãnh dân tộc của người dân nước Nam giữa những biến động của thời cuộc.

Từ những đóng góp trên, Việt điện u linh, Lĩnh

Nam chính quái có thể được coi là một trong những tác phẩm có ý nghĩa vô cùng lớn trong việc biên soạn quốc sử của các nước ta. Đi từ huyền thoại đến huyền sử, những câu chuyện trong công trình này đã góp phần xây dựng nên thế giới tâm hồn phong phú, ý chí và nghị lực kiên cường của bao lớp người Việt vượt qua bao sóng gió để gìn giữ và xây dựng Tổ quốc mình.

Nhân vật thần linh trong truyền thuyết gắn với lễ hội dân gian

Mối quan hệ truyền thuyết về thần linh và lễ hội là quan hệ có tính chất qua lại, bổ sung lẫn nhau: nhân vật thần linh trong truyền thuyết là cốt lõi của lễ hội, khiến cho lễ hội có nội dung thiêng liêng, còn lễ hội làm cho việc diễn xướng truyền thuyết thần linh được sinh động, thu hút sự gắn bó của cộng đồng. Đối với quần chúng nhân dân, lễ hội là hình thức kể chuyện, là sự bảo lưu các cốt truyện. Nguyên nhân có thể lí giải rằng, quần chúng nhân dân có thể coi lễ hội là hình thức sinh động nhất để truyền thuyết đi vào tâm thức họ. Hơn nữa, hình tượng người anh hùng, cuộc đời và những hành trang của các vị sẽ tác động trực tiếp, trực quan đến đông đảo nhân dân nhờ môi trường lễ hội. Ở đó, nhân dân không chỉ là người xem hội thụ động mà còn là người chủ động đóng vai, nhập vai khi được tham gia làm những nhân vật và diễn lại các sự kiện của truyền thuyết. Điều này đã góp phần nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc và tình cảm cộng đồng của nhân dân. Lễ hội gắn với nghi lễ nên tính trang nghiêm (không gian và thời gian thiêng) càng thể hiện được bản chất của truyền thuyết thần linh là nhằm tôn vinh các anh hùng.

Đối với lễ hội, truyền thuyết thần linh đóng vai trò là xương sống, là cốt truyện dẫn dắt tiến trình lễ hội, là sự minh giải cho lễ hội: mở hội vào ngày nào, sau bao nhiêu năm lại mở lại một lần, tại sao kéo dài từng ấy ngày, rước từ đâu đến đâu, lễ vật dâng cúng gồm những gì, phải kiêng kị những gì... Các lễ hội đều có nguồn gốc là các nghi lễ nông nghiệp, phát triển thành hội làng. Sau đó thì lớp ý nghĩa chống ngoại xâm, ca ngợi các vị anh hùng được lồng ghép vào và chiếm vị trí nổi bật. Đây cũng là một sự gắn gũi giữa nội dung của lễ hội với nội dung của truyền thuyết. Thực chất trong các truyền thuyết anh hùng, hai mặt sản xuất và chiến đấu được kết hợp rất nhịp nhàng với nhau. Ví dụ, trong

truyền thuyết Thánh Gióng, bên cạnh việc đánh giặc cũng còn có chuyện hái cà, đập đất, chăn trâu... Hai Bà Trưng sau khi chết còn hiển linh giúp dân chống hạn. Cao Lỗ khi hiển linh với Cao Biền có nói rằng: phàm việc dẹp giặc và việc mùa màng ta đều được chủ trương cả.

Như vậy, truyền thuyết thần linh và lễ hội đều là sản phẩm hoạt động tinh thần của nhân dân, do dân sáng tạo, bồi đắp, lưu giữ và thể hiện. Cả hai đều có một bộ phận rất quan trọng tập trung ca ngợi những người có công với dân, với nước, đều hướng tới mục đích khơi dậy lòng tự hào dân tộc và nhắc nhở con cháu về việc ghi nhớ công ơn của các bậc tiền bối. Chúng khác nhau ở chỗ: truyền thuyết là một thể loại văn hoá dân gian, nó khắc hoạ người anh hùng bằng ngôn từ, bằng hình tượng, bằng các biện pháp nghệ thuật theo đặc trưng của thể loại. Trong khi đó, hội lễ là một sinh hoạt văn hoá dân gian tổng hợp, cần có môi trường diễn xướng, có cộng đồng tham dự. Hội lễ ca ngợi người anh hùng bằng tín ngưỡng, bằng nghi thức lễ bái, bằng phong tục, bằng sự kiêng kị, bằng vật phẩm dâng cúng, bằng việc diễn lại sự tích, hành trạng, bằng trò chơi dân gian, bằng đám rước... Như đánh giá của Ngô Đức Thịnh trong cuốn *Tín ngưỡng Lễ hội cổ truyền*:

‘Lễ hội là một trong những hiện tượng sinh hoạt văn hóa cổ truyền tiêu biểu của nhiều tộc người ở nước ta (...) Nó là tấm gương phản chiếu khá trung thực đời sống văn hóa của mỗi dân tộc (...), là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể (...), một hình thức diễn xướng tâm linh. Nó tái hiện lịch sử tự nhiên, lịch sử xã hội trong một thời điểm có giá trị đặc biệt, thời điểm thiêng.’ [19, tr.331; tr.340]. Theo đó, để tưởng nhớ các vị thần đã có công lao bảo vệ và che chở cho dân cho nước cũng như tỏ lòng kính trọng, sự ngưỡng vọng, nhân dân ta ở nhiều nơi đã lập các đền, miếu, phủ thờ và thường niên tổ chức những lễ hội lớn nhỏ theo từng vùng địa phương trên cả nước.

IV. KẾT LUẬN

Đối với người Việt Nam, ngoài truyền thống thờ gia tiên thì sự sùng kính các lực lượng siêu nhiên, thần bí chiếm một vị trí quan trọng trong tâm thức dân tộc. Lực lượng siêu nhiên đó dưới góc nhìn lịch sử – văn hóa có thể là nhiên thần

hay nhân thần. Khảo sát các truyền thuyết về thần linh, chúng ta thấy có một sự vận động rõ ràng của các nhân vật thần, từ nhiên thần sơ khai đến nhân thần thông qua việc được sắc phong và sự gửi gắm niềm tin của quần chúng nhân dân. Chính vì thế, nhiều truyền thuyết về thần linh đã trở thành tư liệu lịch sử quý giá. Chỉ có điều các truyền thuyết ấy không thể hiện lịch sử một cách thông thường mà phản ánh lịch sử theo một cách độc đáo với màu sắc nửa hư nửa thực. Các vị thần đó buổi đầu sơ khai chỉ được lưu truyền qua dân gian, sau đó được đưa vào chính sử, đồng thời được tái hiện sinh động trong các lễ hội dân gian hàng năm trên khắp mọi miền đất nước. Dấu ấn văn hóa thần linh cho đến ngày nay vẫn còn in đậm trên các hiện vật văn hóa ở khắp các địa phương qua hệ thống các đền, phủ, chùa, miếu... và đây chính là nơi người dân hành lễ, tái hiện những nội dung đặc sắc về các nhân vật thần trong các truyền thuyết dân gian, để lan tỏa các giá trị văn hóa ra cộng đồng, từ đó mỗi người như được củng cố thêm niềm tin vào một thế giới thiêng liêng và có ý thức hơn trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh*. Trịnh Đình Rư dịch. Nhà Xuất bản Văn học. Hà Nội. 1972.
- [2] Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Văn tịch chí. Tập 4. Hà Nội: Nhà Xuất bản Sử học. 1961.
- [3] Nguyễn Đăng Na. *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*. Tập 1: Truyện Ngán. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục. 1999.
- [4] Nguyễn Đăng Na. *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*. Tập 2: Ký. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục. 2000.
- [5] Kiều Thu Hoạch. *Văn hóa dân gian, những lĩnh vực nghiên cứu*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội. 1989.
- [6] Phan Kế Bính. *Nam Hải dị nhân liệt truyện*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ. 2016.
- [7] Trần Thị An. *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội. 2014.
- [8] Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ngọc Côn, Nguyễn Nghĩa Dân, Lý Hữu Tấn, Hoàng Tiên Tự, Đỗ Bình Trị và công sự. *Lịch sử Văn học Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục. 1978.
- [9] Bùi Quang Thanh. *Bàn về mối quan hệ lâu bền giữa truyền thuyết và lịch sử*. Thông báo Dân tộc học. Tập 2. 1979.
- [10] Nguyễn Huy Bình. Từ nhiên thần đến nhân thần và vấn đề truyền thuyết hóa thần thoại. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*. 2017; 399.

- [11] Trần Nghĩa. *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*. (tập 1 và 2). Hà Nội: Nhà Xuất bản Thế giới. 1997.
- [12] Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập 2. Hà Nội: Nhà Xuất bản KHXH, Hà Nội. 1999.
- [13] Tạ Chí Đại Trường. *Thần người và đất Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin. 2006.
- [14] Hồ Quốc Hùng. *Truyền thuyết Việt Nam và vấn đề thể loại*. TP.HCM: Nhà Xuất bản Trẻ Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Tp. HCM. 2003.
- [15] Vũ Thanh Sơn. *Thần linh đất Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc. 2002.
- [16] Đinh Gia Khánh. *Truyện hay nước Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin. 1988.
- [17] Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập 1. Hà Nội: Nhà Xuất bản KHXH. 1993.
- [18] Ngô Thời Sĩ. *Việt sử tiêu án*. Sài Gòn: Văn hóa Á Châu xuất bản. 1960.
- [19] Ngô Đức Thịnh. *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Tri thức. 2018.